

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 481/2017/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 và biên bản ghi ý kiến đương sự ngày 02 tháng 02 năm 2018 đối với ông Hu và chị L.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn V H** – sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ấp C N, xã HT, thành phố M, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn T P** – sinh năm: 1949

Địa chỉ: Số 121/68/187, L V L, k5, p10, Tp.M, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn V Hu** – sinh năm: 1951

Địa chỉ: Ấp C N, xã H T, Tp.M, tỉnh Cà Mau

2/ Ông **Nguyễn V T** – sinh năm: 1958

Địa chỉ: Số 257/115 K , k18, p2 7, Tp.M, tỉnh Cà Mau

3/ Bà **Nguyễn T Đ** – sinh năm: 1957

Địa chỉ: Số 150, N N S, K2 3, p1 6, Tp.M, tỉnh Cà Mau

4/ Bà **Nguyễn T S** – sinh năm: 1963

Địa chỉ: Số 542, ấp 2, xã AX, Tp M, tỉnh Cà Mau

p5/ Bà **Nguyễn T L** – sinh năm: 1967

Địa chỉ: Ấp CN, xã HT, Tp.M, tỉnh Cà Mau

6/ Bà **Nguyễn T A** – sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp RM, xã PH, huyện C, tỉnh Cà Mau

7/ Bà **Nguyễn T U** – sinh năm: 1973
Địa chỉ: Số 656, ấp 2, xã AX, Tp M, tỉnh Cà Mau

8/ Chị **Nguyễn T T L** - sinh năm: 1994
Địa chỉ: Ấp CN, xã HT, Tp.M, tỉnh Cà Mau.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn V P (Mất ngày 20/3/2014 al) và bà Nguyễn T E (Mất ngày 15/10/2005 al) có tất cả 10 người con gồm.

- 1/ Nguyễn T P bị đơn
- 2/ Nguyễn V Hu – sinh năm: 1951
- 3/ Nguyễn V T – sinh năm: 1958
- 4/ Nguyễn T Đ – sinh năm: 1957
- 5/ Nguyễn T S – sinh năm: 1963
- 6/ Nguyễn V T (Chết) có 01 người con Nguyễn T T L
- 7/ Nguyễn T L – sinh năm: 1967
- 8/ Nguyễn T A – sinh năm: 1970
- 9/ Nguyễn T U – sinh năm: 1973
- 10/ Nguyễn V H nguyên đơn

Lúc còn sống ông bà có tài sản là 54.800m² đất, tọa lạc tại ấp CN, xã HT, Tp M gồm 7 thửa số 215, 200A, 201, 202, 243, 63A, 183A đã được nhà nước cấp QSDĐ ngày 29/4/1993, giấy bìa trắng do ông P đứng tên. Ngày 04/8/2005 ông P lập di chúc cho anh H toàn bộ phần đất nêu trên có xác nhận của UBND xã HT, sau khi ông P mất anh H là người quản lý sử dụng đất cho đến nay.

- Anh H, bà P thống nhất di chúc ngày 04/8/2005 do ông P lập là hợp pháp, anh H là người được hưởng toàn bộ phần đất nêu trên. Anh H đồng ý chia lại cho bà P 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) bằng một kỷ phần thừa kế.

- Các ông bà T, S, Đ, A, U, L trình bày về di sản của ba má để lại, số anh em trong gia đình như anh H trình bày là đúng, đối với di chúc 04/8/2005 mà anh H trình bày là đúng, nay tất cả đều thống nhất anh H là người được hưởng toàn bộ phần đất di sản thừa kế của ba má để lại nêu trên không ai có ý kiến nào khác, việc anh H chia lại cho bà P 30.000.000đ bằng một kỷ phần thừa kế tất cả đều thống nhất vì đây là quyền quyết định của anh H.

- Tại biên bản ghi ý kiến của ông Hu, chị L ngày 02/02/2018 đều thống nhất với thoả thuận của anh H bà P.

Ngoài phần đất nêu trên tất cả đều xác định ba má (ông P bà E) không để lại di sản nào khác, lúc ba má còn sống không thiếu nợ bất cứ ai, khi ba má mất sau khi mai táng cũng không nợ ai.

- Về thời gian thanh toán số tiền nêu trên: Anh H bà P thống nhất anh H sẽ giao cho bà P vào ngày 16/3/2018. Nếu quá hạn này anh H chưa thanh toán thì anh phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS trên số tiền và thời gian chậm trả.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh H nhận nộp toàn bộ án phí gồm: Của bà P 750.000đ, của anh H 300.000đ, ngày 04/12/2017 anh đã dự nộp 30.660.000đ tại biên lai số 0061 được đối trừ, anh được hoàn lại 29.610.000đ khi quyết định có hiệu lực.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Ninh Quang Thế